

DANH SÁCH SINH VIÊN CHƯA HOÀN TẤT HỌC PHÍ ĐẾN NGÀY 30.11.2022

Lớp: CĐ DUỘC 8A (Khóa học 2018-2021)

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Miễn giảm	Số tiền chưa nộp HK1 (2018-2019)	Miễn giảm	Số tiền chưa nộp HK2 (2018-2019)	Miễn giảm	Số tiền chưa nộp HK1 (2019-2020)	Miễn giảm	Số tiền chưa nộp HK2 (2019-2020)	Miễn giảm	Số tiền chưa nộp HK1 (2020-2021)	Miễn giảm	Số tiền chưa nộp HK2 (2020-2021)	Tổng cộng
1	Lê Hoài Mỹ	07/10/2000		0		0		0		5.200.000		5.700.000		5.700.000	16.600.000
2	Huỳnh Thị Thanh Vân	12/6/2000		0		0		0		2.400.000		5.700.000		5.700.000	13.800.000
				0		0		0		7.600.000		11.400.000		11.400.000	30.400.000

PHÒNG KẾ HOẠCH - TÀI CHÍNH
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG



Trần Nguyễn Thị Thanh Thảo

Phụ trách kế toán



Bùi Thị Xuân Thái

Người lập



Nguyễn Thị Thu Hằng

DANH SÁCH SINH VIÊN CHƯA HOÀN TẤT HỌC PHÍ ĐẾN NGÀY 30.11.2022

Lớp: CĐ DƯỠC 8B

TT	Họ và tên	Miễn giảm	Số tiền chưa nộp HK1 (2018-2019)	Miễn giảm	Số tiền chưa nộp HK2 (2018-2019)	Miễn giảm	Số tiền chưa nộp HK1 (2019-2020)	Miễn giảm	Số tiền chưa nộp HK2 (2019-2020)	Miễn giảm	Số tiền chưa nộp HK1 (2020-2021)	Miễn giảm	Số tiền chưa nộp HK2 (2020-2021)	Tổng cộng
1	Nguyễn Thị Như Huyền		0		0		5.200.000		5.200.000		5.700.000		5.700.000	21.800.000
3	Cao Thị Phương Mai		0		0	70%	0		0	70%	1.710.000		1.710.000	3.420.000
5	Vũ Gia Mẫn		0		0		0		5.200.000		5.700.000		5.700.000	16.600.000
6	Trần Thị Trà My		0		0		2.400.000		5.200.000		5.700.000		5.700.000	19.000.000
7	Trần Đăng Phong		0		0		2.400.000		5.200.000		5.700.000		5.700.000	19.000.000
8	Lê Nguyễn Quang Vũ		0		0		0		0		0		5.700.000	5.700.000
			0		0		10.000.000		20.800.000		24.510.000		30.210.000	85.520.000

PHÒNG KẾ HOẠCH - TÀI CHÍNH
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG



Trần Nguyễn Thị Thanh Thảo

Phụ trách kế toán



Bùi Thị Xuân Hải

Người lập



Nguyễn Thị Thu Hằng

DANH SÁCH SINH VIÊN CHƯA HOÀN TẤT HỌC PHÍ ĐẾN NGÀY 30.11.2022

Lớp: CĐ DUỢC 8C

TT	Lớp	Họ và tên	Ngày sinh	Miễn giảm	Số tiền chưa nộp HK1(2018-2019)	Miễn giảm	Số tiền chưa nộp HK2(2018-2019)	Miễn giảm	Số tiền chưa nộp HK1(2019-2020)	Miễn giảm	Số tiền chưa nộp HK2(2019-2020)	Miễn giảm	Số tiền chưa nộp HK1(2020-2021)	Miễn giảm	Số tiền chưa nộp HK2(2020-2021)	Tổng cộng
1	CĐ DUỢC 8C	Chấn	14/01/1997		0		0		0		0		0		0	5.700.000
	Tổng cộng				0		0		0		0		0		0	5.700.000

PHÒNG KẾ HOẠCH - TÀI CHÍNH
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG



Trần Nguyễn Thị Thanh Thảo

Thư trách kế toán



Bùi Thị Xuân Thái

Người lập



Nguyễn Thị Thu Hằng

Khánh Hòa, ngày 05 tháng 12 năm 2022

DANH SÁCH SINH VIÊN CHƯA HOÀN TẤT HỌC PHÍ ĐẾN NGÀY 30.11.2022

Lớp: CĐ DƯỢC 8D

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Miễn giảm	Số tiền chưa nộp HK1 (2018-2019)	Miễn giảm	Số tiền chưa nộp HK2 (2018-2019)	Miễn giảm	Số tiền chưa nộp HK1 (2019-2020)	Miễn giảm	Số tiền chưa nộp HK2 (2019-2020)	Miễn giảm	Số tiền chưa nộp HK1 (2020-2021)	Miễn giảm	Số tiền chưa nộp HK2 (2020-2021)	Tổng cộng
1	Huỳnh Thị Mỹ	10/11/1999		0		0		5.200.000		5.200.000		5.700.000		5.700.000	21.800.000
2	Đỗ Thị Thúy	10/12/2000		0		0		2.400.000		5.200.000		5.700.000		5.700.000	19.000.000
3	Trần Hoài	28/6/2000		0		0		5.200.000		2.400.000		5.700.000		5.700.000	19.000.000
4	Dương Thị Thu	28/9/2000		0		0		0		5.200.000		5.700.000		5.700.000	16.600.000
5	Nguyễn Lê Hoài	21/6/2000		0		0		2.400.000		5.200.000		5.700.000		5.700.000	19.000.000
6	Nguyễn Thị Băng	29/9/2000		0		0		2.400.000		5.200.000		5.700.000		5.700.000	19.000.000
				0		0		17.600.000		28.400.000		34.200.000		34.200.000	114.400.000

PHÒNG KẾ HOẠCH - TÀI CHÍNH
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG



Trần Nguyễn Thị Thanh Thảo

Phụ trách kế toán



Bùi Thị Xuân Thái

Người lập



Nguyễn Thị Thu Hằng

DANH SÁCH SINH VIÊN CHƯA HOÀN TẤT HỌC PHÍ ĐẾN NGÀY 30.11.2022

Lớp: CĐ DƯỠC 8E

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Miễn giảm	Số tiền chưa nộp HK1(2018-2019)	Miễn giảm	Số tiền chưa nộp HK2(2018-2019)	Miễn giảm	Số tiền chưa nộp HK1(2019-2020)	Miễn giảm	Số tiền chưa nộp HK2(2019-2020)	Miễn giảm	Số tiền chưa nộp HK1(2020-2021)	Miễn giảm	Số tiền chưa nộp HK2(2020-2021)	Tổng cộng
1	Nguyễn Thị Thanh	12/10/2000		0		0		2.400.000		2.400.000		5.700.000		5.700.000	19.000.000
2	Ngô Quốc Bảo	10/7/1996		0		4.700.000		5.200.000		5.200.000		5.700.000		5.700.000	26.500.000
3	Nguyễn Trung Huy	29/12/2000		0		4.700.000		5.200.000		5.200.000		5.700.000		5.700.000	26.500.000
4	Trần Nhật Tiến	17/12/1999		0		0		0		2.400.000		5.700.000		5.700.000	13.800.000
	Tổng cộng			0		9.400.000		12.800.000		18.000.000		22.800.000		22.800.000	85.800.000

PHÒNG KẾ HOẠCH - TÀI CHÍNH
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG



Trần Nguyễn Thị Thanh Thảo

Phụ trách kế toán



Bùi Thị Xuân Hải

Người lập



Nguyễn Thị Thu Hằng

DANH SÁCH SINH VIÊN CHƯA HOÀN TẤT HỌC PHÍ ĐẾN NGÀY 30.11.2022

Lớp: CĐ Dược 9A

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số tiền chưa nộp HK1 (2019-2020)	Số tiền chưa nộp HK2 (2019-2020)	Số tiền chưa nộp HK1 (2020-2021)	Số tiền chưa nộp HK2 (2020-2021)	Số tiền chưa nộp HK1 (2021-2022)	Số tiền chưa nộp HK2 (2021-2022)	Tổng cộng
1	Phạm Thị Hà	19/10/2001	0	0	0	0	0	5.700.000	5.700.000
2	Nguyễn Thị Xuân	02/9/2001	0	0	0	0	0	5.700.000	5.700.000
3	Lê Thị Kim	26/12/1991	0	0	5.700.000	5.700.000	5.700.000	5.700.000	28.000.000
4	Nguyễn Thị Bích	18/7/2000	0	5.200.000	5.700.000	5.700.000	5.700.000	5.700.000	28.000.000
5	Lê Thị Ái	29/11/2001	0	0	0	0	0	5.700.000	5.700.000
6	Đỗ Thị Diễm	06/11/2001	0	0	0	0	0	5.700.000	5.700.000
7	Nguyễn Hằng Anh	10/8/2000	0	0	0	0	0	5.700.000	5.700.000
8	Phùng Huyền	27/5/1999	0	0	0	0	0	5.700.000	5.700.000
9	Trần Thị Bảo	18/5/2001	0	0	5.700.000	5.700.000	5.700.000	5.700.000	22.800.000
	Tổng cộng		0	10.400.000	17.100.000	17.100.000	17.100.000	51.300.000	113.000.000

PHÒNG KẾ HOẠCH - TÀI CHÍNH
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG



Trần Nguyễn Thị Thanh Thảo

Phụ trách kế toán



Bùi Thị Xuân Thái

Người lập



Nguyễn Thị Thu Hằng

DANH SÁCH SINH VIÊN CHƯA HOÀN TẤT HỌC PHÍ ĐẾN NGÀY 30.11.2022

Lớp: CĐ Dược 9B

TT	Mã	Họ và tên	Số tiền chưa nộp HK1 (2019-2020)	Số tiền chưa nộp HK2 (2019-2020)	Số tiền chưa nộp HK1 (2020-2021)	Số tiền chưa nộp HK2 (2020-2021)	Số tiền chưa nộp HK1 (2021-2022)	Số tiền chưa nộp HK2 (2021-2022)	Tổng cộng
1	B19103043	Nguyễn Trần Nhật	0	0	0	5.700.000	5.700.000	5.700.000	17.100.000
2	B19103047	Ngô Thị Minh	0	0	0	0	0	5.700.000	5.700.000
3	B19103052	Lê Thị Thanh	0	0	0	0	0	5.700.000	5.700.000
4	B19103055	Nguyễn Trần Huy	0	0	0	0	0	5.700.000	5.700.000
5	B19103063	Phạm Thị Thanh	0	0	0	5.700.000	5.700.000	5.700.000	17.100.000
6	B19103064	Lê Thị Anh	0	0	0	0	0	5.700.000	5.700.000
7	B19103066	Phạm Anh	0	0	0	0	0	5.700.000	5.700.000
8	B19103073	Lê Thị Thanh	0	0	5.700.000	5.700.000	5.700.000	5.700.000	22.800.000
9	B19103075	Nguyễn Ngọc Thảo	0	5.200.000	5.700.000	5.700.000	5.700.000	5.700.000	28.000.000
			0	5.200.000	11.400.000	22.800.000	22.800.000	51.300.000	113.500.000

PHÒNG KẾ HOẠCH - TÀI CHÍNH
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

Người lập

Trần Nguyễn Thị Thanh Thảo

Nguyễn Thị Thu Hằng

DANH SÁCH SINH VIÊN CHƯA HOÀN TẤT HỌC PHÍ ĐẾN NGÀY 30.11.2022

Lớp: CD Dược 10A

TT	Mã	Họ và	tên	Số tiền chưa nộp HK1(2020-2021)	Số tiền chưa nộp HK2(2020-2021)	Số tiền chưa nộp HK1(2021-2022)	Số tiền chưa nộp HK2(2021-2022)	Số tiền chưa nộp HK1(2022-2023)	Tổng cộng
1	B20103002	Nguyễn Hòa	Chân	0	0	0	0	6.500.000	6.500.000
2	B20103109	Phan Thị Kiều	Diễm	0	0	0	0	6.500.000	6.500.000
3	B20103004	Châu Thị Thu	Hà	0	0	0	0	6.500.000	6.500.000
4	B20103005	Cao Thị Kim	Hân	0	0	0	0	6.500.000	6.500.000
5	B20103009	Nguyễn Thị Mỹ	Hương	0	0	0	0	6.500.000	6.500.000
6	B20103010	Phạm Thị Mỹ	Liên	0	5.700.000	5.700.000	5.700.000	6.500.000	23.600.000
7	B20103014	Tôn Hoàng Bảo	Ngọc	0	0	0	5.700.000	6.500.000	12.200.000
8	B20103015	Hồ Thị Hồng	Ngọc	0	0	0	0	6.500.000	6.500.000
9	B20103016	Hân Kim	Nguyễn	0	0	0	0	6.500.000	6.500.000
10	B20103123	Nguyễn Tuấn	Nhi	0	0	0	0	6.500.000	6.500.000
11	B20103018	Nguyễn Hoàng Tú	Nhi	0	0	0	0	6.500.000	6.500.000
12	B20103019	Nguyễn Hồng Uyên	Nhi	0	0	0	0	6.500.000	6.500.000
13	B20103127	Nguyễn An	Ny	0	0	0	5.700.000	6.500.000	12.200.000
14	B20103020	Hoàng Nhật Quỳnh	Như	0	0	0	0	6.500.000	6.500.000
15	B20103021	Phạm Thị Ý	Như	0	0	0	0	6.500.000	6.500.000
16	B20103022	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	0	0	0	0	6.500.000	6.500.000
17	B20103023	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	0	0	0	0	6.500.000	6.500.000
18	B20103130	Lê Hoàng	Phúc	0	0	0	5.700.000	6.500.000	12.200.000
19	B20103024	Lê Thị	Thắm	0	0	0	0	6.500.000	6.500.000
20	B20103025	Trương Mai Thanh	Thảo	0	0	0	0	6.500.000	6.500.000
21	B20103026	Lê Hồng	Thiện	0	0	0	0	6.500.000	6.500.000
22	B20103027	Nguyễn Thị Thùy	Tiên	0	0	0	0	6.500.000	6.500.000
23	B20103030	Nguyễn Thị Thùy	Trang	0	0	0	0	6.500.000	6.500.000
24	B20103031	Nguyễn Phú	Trung	0	0	0	0	6.500.000	6.500.000
25	B20103139	Đào Thị Thúy	Thơ	0	0	0	0	6.500.000	6.500.000
26	B20103032	Nguyễn Lê Phương	Uyên	0	0	0	0	6.500.000	6.500.000
27	B20103034	Nguyễn Hào Tường	Vì	0	0	0	5.700.000	6.500.000	12.200.000
28	B20103142	Hồ Thị Mai	Trâm	0	0	0	0	6.500.000	6.500.000
29	B20103143	Phạm Trần Huyền	Trần	0	0	0	5.700.000	6.500.000	12.200.000
30	B20103035	Lê Thị Thanh	Xuân	0	0	0	0	6.500.000	6.500.000

31	B20103144	Bùi Thị Thùy	Trang	0	0	0	5.700.000	5.700.000	6.500.000	12.200.000
32	B20103153	Nguyễn Tường	Vi	0	0	5.700.000	5.700.000	5.700.000	6.500.000	17.900.000
33	B20103157	Trần Thị	Duyên	0	0	0	0	6.500.000	6.500.000	6.500.000
				0	5.700.000	11.400.000	45.600.000	214.500.000	277.200.000	

Phụ trách kế toán

Người lập

PHÒNG KẾ HOẠCH - TÀI CHÍNH
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG





Bùi Thị Xuân Thái

Trần Nguyễn Thị Thanh Thảo

Nguyễn Thị Thu Hằng



DANH SÁCH SINH VIÊN CHƯA HOÀN TẤT HỌC PHÍ ĐẾN NGÀY 30.11.2022

Lớp: CĐ Dược 9C

TT	Mã	Họ và tên	Số tiền chưa nộp HK1 (2019-2020)	Số tiền chưa nộp HK2 (2019-2020)	Số tiền chưa nộp HK1 (2020-2021)	Số tiền chưa nộp HK2 (2020-2021)	Số tiền chưa nộp HK1 (2021-2022)	Số tiền chưa nộp HK2 (2021-2022)	Tổng cộng
1	B19103092	Lê Thị Hằng	0	0	0	0	5.700.000	5.700.000	11.400.000
2	B19103109	Biện Thị Kim Tiểu	0	0	0	0	0	5.700.000	5.700.000
3	B19103102	Nguyễn Thị Bích	0	5.200.000	5.700.000	5.700.000	5.700.000	5.700.000	28.000.000
4	B19103105	Nguyễn Thành	0	0	0	0	0	5.700.000	5.700.000
5	B19103107	Trần Phương Hà	0	5.200.000	5.700.000	5.700.000	5.700.000	5.700.000	28.000.000
			0	10.400.000	11.400.000	11.400.000	17.100.000	28.500.000	78.800.000

PHÒNG KẾ HOẠCH - TÀI CHÍNH
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG



Trần Nguyễn Thị Thanh Thảo

Phụ trách kế toán



Bùi Thị Xuân Thái

Người lập



Nguyễn Thị Thu Hằng

DANH SÁCH SINH VIÊN CHƯA HOÀN TẤT HỌC PHÍ ĐẾN NGÀY 30.11.2022

Lớp: CĐ Dược 10B

TT	Mã	Họ và tên	Số tiền chưa nộp HK1(2020-2021)	Số tiền chưa nộp HK2 (2020-2021)	Số tiền chưa nộp HK1(2021-2022)	Số tiền chưa nộp HK2(2021-2022)	Số tiền chưa nộp HK1(2022-2023)	Tổng cộng
1	B20103037	Nguyễn Thị Bích Chi	0	0	0	0	6.500.000	6.500.000
2	B20103107	Đặng Thị Ngọc Cẩm	0	0	0	0	6.500.000	6.500.000
3	B20103039	Vũ Hồng Duyên	0	0	0	0	6.500.000	6.500.000
4	B20103040	Phan Thị Thùy Duyên	0	0	0	5.700.000	6.500.000	12.200.000
5	B20103041	Trương Kim Kiều Duyên	0	0	0	5.700.000	6.500.000	12.200.000
6	B20103042	Lê Thị Vy Hải	0	0	0	5.700.000	6.500.000	12.200.000
7	B20103043	Trần Thị Thu Hằng	0	0	5.700.000	5.700.000	6.500.000	17.900.000
8	B20103045	Ngô Lê Thu Hiền	0	0	0	0	6.500.000	6.500.000
9	B20103046	Trần Thị Thu Hiền	0	0	0	0	6.500.000	6.500.000
10	B20103047	Võ Hồng Hiếu	0	0	0	5.700.000	6.500.000	12.200.000
11	B20103118	Nguyễn Thị Thu Ngân	0	0	0	0	6.500.000	6.500.000
12	B20103049	Nguyễn Bảo Khang	0	0	0	5.700.000	6.500.000	12.200.000
13	B20103121	Huỳnh Thị Mai Nhi	0	0	0	0	6.500.000	6.500.000
14	B20103050	Ngô Khánh Linh	0	0	0	0	6.500.000	6.500.000
15	B20103051	Lê Thị Tuyết Linh	0	0	0	0	6.500.000	6.500.000
16	B20103053	Trần Thị Xuân Mai	0	0	5.700.000	5.700.000	6.500.000	17.900.000
17	B20103125	Đặng Thị Ngọc Nhung	0	0	0	0	6.500.000	6.500.000
18	B20103126	Đỗ Thị Thanh Ninh	0	0	0	5.700.000	6.500.000	12.200.000
19	B20103054	Cao Quang Minh	0	0	0	5.700.000	6.500.000	12.200.000
20	B20103055	Trương Đình Nam	0	0	0	5.700.000	6.500.000	12.200.000
21	B20103056	Nguyễn Thị Thảo Nguyên	0	0	0	0	6.500.000	6.500.000
22	B20103128	Nguyễn Thị Kim Oanh	0	0	0	0	6.500.000	6.500.000
23	B20103057	Trần Thị Kim Phi	0	0	0	5.700.000	6.500.000	12.200.000
24	B20103059	Hà Thị Thu Thảo	0	0	0	0	6.500.000	6.500.000
25	B20103131	Đặng Thị Bích Phượng	0	0	0	0	6.500.000	6.500.000
26	B20103132	Trần Thị Cẩm Quyên	0	0	0	0	6.500.000	6.500.000
27	B20103061	Trần Ngọc Bảo Trâm	0	0	0	0	6.500.000	6.500.000
28	B20103133	Đoàn Ngọc Sáng	0	0	0	0	6.500.000	6.500.000

29	B20103064	Nguyễn Thị Thanh	Trúc	0	0	5.700.000	6.500.000	17.900.000
30	B20103137	Trương Thị Thu	Thảo	0	0	0	6.500.000	6.500.000
31	B20103065	Phan Nguyễn Kim	Tuyền	0	0	0	6.500.000	12.200.000
32	B20103135	Phan Hữu	Thắng	0	0	0	6.500.000	6.500.000
33	B20103146	Nguyễn Thị Tuyết	Trinh	0	0	0	6.500.000	6.500.000
34	B20103152	Nguyễn Thị Hồng	Vân	0	0	5.700.000	6.500.000	12.200.000
35	B20103159	Trần Thị Thúy	Nga	0	0	0	6.500.000	6.500.000
36	B20103163	Lê Như Minh	Thư	0	0	0	6.500.000	6.500.000
				0	0	17.100.000	79.800.000	330.900.000
							234.000.000	

PHÒNG KẾ HOẠCH - TÀI CHÍNH

PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

Người lập







Trần Nguyễn Thị Thanh Thảo

Nguyễn Thị Thu Hằng

DANH SÁCH SINH VIÊN CHƯA HOÀN TẤT HỌC PHÍ ĐẾN NGÀY 30.11.2022

Lớp: CĐ Dược 10C

TT	Mã	Họ và	tên	Số tiền chưa nộp HK1(2020-2021)	Số tiền chưa nộp HK2(2020-2021)	Số tiền chưa nộp HK1(2021-2022)	Số tiền chưa nộp HK2(2021-2022)	Số tiền chưa nộp HK1(2022-2023)	Tổng cộng
1	B20103069	Nguyễn Ngọc Phương	Anh	0	0	0	0	6.500.000	6.500.000
2	B20103070	Trần Thị Quỳnh	Anh	0	0	0	0	6.500.000	6.500.000
3	B20103072	Phạm Ngọc	Ánh	0	0	0	0	6.500.000	6.500.000
4	B20103111	Trịnh Thị Thanh	Hà	0	0	0	0	6.500.000	6.500.000
5	B20103114	Phan Hoàng Bảo	Hân	0	0	0	0	6.500.000	6.500.000
6	B20103078	Nguyễn Huy	Minh	0	0	0	0	6.500.000	6.500.000
7	B20103079	Hồ Thị Trà	My	0	0	0	0	6.500.000	6.500.000
8	B20103081	Nguyễn Trần Kim	Ngân	0	0	0	0	6.500.000	6.500.000
9	B20103122	Quách Tịnh	Nhi	0	0	0	5.700.000	6.500.000	12.200.000
10	B20103084	Nguyễn Thị Thảo	Nguyễn	0	0	0	0	6.500.000	6.500.000
11	B20103086	Nguyễn Hoàng	Nhi	0	0	0	0	6.500.000	6.500.000
12	B20103088	Cao Văn	Nhượng	0	0	5.700.000	5.700.000	6.500.000	17.900.000
13	B20103129	Võ Sĩ	Phú	0	0	0	0	6.500.000	12.200.000
14	B20103092	Phạm Tấn	Tài	0	5.700.000	5.700.000	5.700.000	6.500.000	23.600.000
15	B19103099	Nguyễn Thùy	Vân	0	0	0	0	6.500.000	6.500.000
16	B20103094	Nguyễn Võ Bảo	Thanh	0	0	0	0	6.500.000	6.500.000
17	B20103136	Nguyễn Đoàn Diệp	Thanh	0	0	0	5.700.000	6.500.000	12.200.000
18	B20103096	Mai Thị Hữu	Thoa	0	0	0	0	6.500.000	6.500.000
19	B20103138	Võ Ngọc Phương	Thảo	0	0	0	0	6.500.000	6.500.000
20	B20103098	Trần Thị	Thương	0	0	0	0	6.500.000	6.500.000
21	B20103101	Cao Thị	Tuyến	0	0	0	0	6.500.000	6.500.000
22	B20103103	Nguyễn Thị Bích	Vy	0	0	0	0	6.500.000	6.500.000

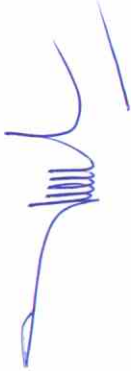
23	B20103148	Trần Phương	Uyên	0	0	0	5.700.000	6.500.000	12.200.000
24	B20103149	Nguyễn Thị Các	Uyên	0	0	0	0	6.500.000	6.500.000
25	B20103154	Trần Lâm	Vũ	0	0	0	5.700.000	6.500.000	12.200.000
26	B20103155	Nguyễn Hoàng Bảo	Vy	0	0	0	5.700.000	6.500.000	12.200.000
				0	5.700.000	11.400.000	45.600.000	169.000.000	231.700.000

PHÒNG KẾ HOẠCH - TÀI CHÍNH
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG



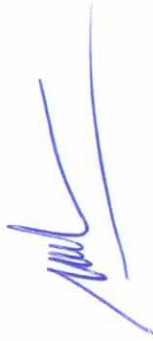
Trần Nguyễn Thị Thanh Thảo

Phụ trách kế toán



Bùi Thị Xuân Hải

Người lập



Nguyễn Thị Thu Hằng

Khánh Hòa, ngày 29 tháng 11 năm 2022

DANH SÁCH SINH VIÊN CHƯA HOÀN TẤT HỌC PHÍ ĐẾN NGÀY 30.11.2022

Lớp: CĐ Dược 10D

TT	Mã	Họ và tên	Số tiền chưa nộp HK1(2020-2021)	Số tiền chưa nộp HK2(2020-2021)	Số tiền chưa nộp HK1(2021-2022)	Số tiền chưa nộp HK2(2021-2022)	Số tiền chưa nộp HK1(2022-2023)	Tổng cộng
1	B20103106	Nguyễn Hoàng Minh	0	5.700.000	5.700.000	5.700.000	6.500.000	23.600.000
2	B20103108	Vũ Công Chính	0	5.700.000	5.700.000	5.700.000	6.500.000	23.600.000
3	B20103110	Nguyễn Thị Kim Duyên	0	5.700.000	5.700.000	5.700.000	6.500.000	23.600.000
4	B20103112	Trần Thị Ngọc Hà	0	5.700.000	5.700.000	5.700.000	6.500.000	23.600.000
5	B20103113	Trần Phan Gia Hân	0	0	5.700.000	5.700.000	6.500.000	17.900.000
6	B20103124	Võ Quỳnh Như	0	0	5.700.000	5.700.000	6.500.000	17.900.000
7	B20103134	Nguyễn Hồng Thắm	0	5.700.000	5.700.000	5.700.000	6.500.000	23.600.000
8	B20103140	Trần Anh Thư	0	5.700.000	5.700.000	5.700.000	6.500.000	23.600.000
9	B20103145	Nguyễn Thị Trang	0	5.700.000	5.700.000	5.700.000	6.500.000	23.600.000
10	B20103147	Nguyễn Thanh Thủy Trúc	0	5.700.000	5.700.000	5.700.000	6.500.000	23.600.000
11	B20103156	Trần Thúy Vy	0	5.700.000	5.700.000	5.700.000	6.500.000	23.600.000
12	B20103158	Phạm Thế Đô	0	5.700.000	5.700.000	5.700.000	6.500.000	23.600.000
13	B20103160	Cà Thị Hào	0	5.700.000	5.700.000	5.700.000	6.500.000	23.600.000
14	B20103162	Nguyễn Tiến Kiệt	0	5.700.000	5.700.000	5.700.000	6.500.000	23.600.000
			0	68.400.000	79.800.000	79.800.000	91.000.000	319.000.000

PHÒNG KẾ HOẠCH - TÀI CHÍNH
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

Trần Nguyễn Thị Thanh Thảo

Phụ trách kế toán

Người lập

Nguyễn Thị Thu Hằng

DANH SÁCH SINH VIÊN CHƯA HOÀN TẤT HỌC PHÍ ĐẾN NGÀY 30.11.2022

Lớp: CĐ Dược 11A

TT	Mã	Họ và	tên	Số tiền chưa nộp HK1(2021-2022)	Số tiền chưa nộp HK2(2021-2022)	Số tiền chưa nộp HK1(2022-2023)	Tổng cộng
1	B21103207	Nguyễn Thị Yến	Phuong	0	0	6.500.000	6.500.000
2	B21103141	Phạm Lý Y	Bình	0	0	6.500.000	6.500.000
3	B21103144	Nguyễn Phạm Khánh	Đoan	0	0	6.500.000	6.500.000
4	B21103002	Trần Kim	Ái	0	0	6.500.000	6.500.000
5	B21103003	Trần Thị Huệ	Chi	0	0	6.500.000	6.500.000
6	B21103147	Phạm Tô Gia	Hân	0	0	6.500.000	6.500.000
7	B21103004	Nguyễn Mai	Duyên	0	5.700.000	6.500.000	12.200.000
8	B21103005	Huỳnh Văn	Hải	0	0	6.500.000	6.500.000
9	B21103154	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	0	5.700.000	6.500.000	12.200.000
10	B21103006	Nguyễn Hoàng Đức	Hiếu	3.700.000	5.700.000	6.500.000	15.900.000
11	B21103008	Lê Trần Nguyên	Khôi	0	0	6.500.000	6.500.000
12	B21103164	Nguyễn Võ Thanh	Nhàn	0	0	6.500.000	6.500.000
13	B21103169	Trịnh Thị Diễm	Quỳnh	0	0	6.500.000	6.500.000
14	B21103011	Phạm Thị Thanh	Lộc	0	0	6.500.000	6.500.000
15	B21103182	Võ Hoàng	Vy	0	0	6.500.000	6.500.000
16	B21103187	Trần Ngô Phương	Duyên	0	5.700.000	6.500.000	12.200.000
17	B21103192	Phùng Thị Ngọc	Lam	0	5.700.000	6.500.000	12.200.000
18	B21103193	Phạm Lê Bảo	Minh	0	5.700.000	6.500.000	12.200.000
19	B21103019	Dương Vũ Thực	Oanh	0	0	6.500.000	6.500.000
20	B21103196	Nguyễn Hoàng Ánh	Nhàn	0	5.700.000	6.500.000	12.200.000
21	B21103025	Nguyễn Trần Trường	Thọ	3.700.000	5.700.000	6.500.000	15.900.000
22	B21103026	Nguyễn Thị Anh	Thư	3.700.000	5.700.000	6.500.000	15.900.000

23	B21103199	Trần Phan Như	Trà	0	0	6.500.000	6.500.000
24	B21103200	Nguyễn Thị Thu	Trang	0	0	6.500.000	6.500.000
25	B21103029	Nguyễn Thụy Bích	Trâm	0	0	6.500.000	6.500.000
26	B21103030	Phan Thị Thùy	Trang	0	5.700.000	6.500.000	12.200.000
27	B21103031	Đỗ Thị Tuyết	trinh	0	0	6.500.000	6.500.000
28	B21103205	Dương Thị Thanh	Ngân	0	0	6.500.000	6.500.000
				11.100.000	57.000.000	182.000.000	250.100.000

PHÒNG KẾ HOẠCH - TÀI CHÍNH
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG



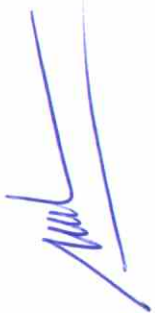
Trần Nguyễn Thị Thanh Thảo

Phụ trách kế toán



Bùi Thị Xuân Kiều

Người lập



Nguyễn Thị Thu Hằng

DANH SÁCH SINH VIÊN CHƯA HOÀN TẤT HỌC PHÍ ĐẾN NGÀY 30.11.2022

Lớp: CĐ Dược 11B

TT	Mã	Họ và	tên	Số tiền chưa nộp HK1(2021-2022)	Số tiền chưa nộp HK2(2021-2022)	Số tiền chưa nộp HK1(2022-2023)	Tổng cộng
1	B21103036	Lê Phúc	An	0	0	6.500.000	6.500.000
2	B21103139	Trịnh Mai	An	0	0	6.500.000	6.500.000
3	B21103162	Nguyễn Huỳnh Trí	Nguyên	0	0	6.500.000	6.500.000
4	B21103149	Đỗ Thị Xuân	Hồng	0	0	6.500.000	6.500.000
5	B21103150	Nguyễn Thị Kim	Khánh	0	5.700.000	6.500.000	12.200.000
6	B21103044	Bùi Thị Kim	Huệ	0	0	6.500.000	6.500.000
7	B21103047	Phạm Nhật	Luân	0	0	6.500.000	6.500.000
8	B21103048	Giang Thị Họa	My	3.700.000	5.700.000	6.500.000	15.900.000
9	B21103161	Nguyễn Thị Hoài	Ngọc	0	5.700.000	6.500.000	12.200.000
10	B21103055	Nguyễn Thị Hồng	Phấn	0	0	6.500.000	6.500.000
11	B21103194	Nguyễn Huy	Nam	0	5.700.000	6.500.000	12.200.000
12	B21103167	Huỳnh Thị Hồng	Nhung	3.700.000	5.700.000	6.500.000	15.900.000
13	B21103059	Trương Thanh	Thảo	3.700.000	5.700.000	6.500.000	15.900.000
14	B21103172	Lê Minh	Thư	0	0	6.500.000	6.500.000
15	B21103060	Nguyễn Thị Kim	Thoa	3.700.000	5.700.000	6.500.000	15.900.000
16	B21103061	Nguyễn Anh	Thư	0	0	6.500.000	6.500.000
17	B21103064	Bùi Đường Tín	Trung	0	0	6.500.000	6.500.000
18	B21103204	Đoàn Minh	Trí	0	0	6.500.000	6.500.000
19	B21103067	Nguyễn Hoàng	Vũ	0	0	6.500.000	6.500.000
PHÒNG KẾ HOẠCH - TÀI CHÍNH				14.800.000	39.900.000	123.500.000	178.200.000

PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

Người lập

Trần Nguyễn Thị Thanh Thảo

Nguyễn Thị Thu Hằng

Khánh Hòa, ngày 29 tháng 11 năm 2022

DANH SÁCH SINH VIÊN CHƯA HOÀN TẤT HỌC PHÍ ĐẾN NGÀY 30.11.2022

Lớp: CĐ Dược 11C

TT	Mã	Họ và tên	Số tiền chưa nộp HK1(2021-2022)	Số tiền chưa nộp HK2(2021-2022)	Số tiền chưa nộp HK1(2022-2023)	Tổng cộng
1	B21103070	Ngô Quỳnh Anh	0	0	6.500.000	6.500.000
2	B21103073	Võ Thị Huyền	0	0	6.500.000	6.500.000
3	B21103076	Nguyễn Thị Mỹ Linh	0	0	6.500.000	6.500.000
4	B21103148	Nguyễn Thị Mỹ Hằng	0	0	6.500.000	6.500.000
5	B21103079	Đỗ Thành Kim Ngân	0	0	6.500.000	6.500.000
6	B21103080	Nguyễn Thị Kim Ngân	0	5.700.000	6.500.000	12.200.000
7	B21103081	Võ Lan Nhi	0	0	6.500.000	6.500.000
8	B21103156	Võ Ngọc Mỹ Linh	0	0	6.500.000	6.500.000
9	B21103085	Nguyễn Thị Thanh Phương	0	0	6.500.000	6.500.000
10	B21103188	Bùi Hương Giang	0	0	6.500.000	6.500.000
11	B21103160	Ngô Thanh Ngọc	0	0	6.500.000	6.500.000
12	B21103088	Nguyễn Thị Ngọc Thắm	3.700.000	5.700.000	6.500.000	15.900.000
13	B21103165	Trương Ngọc Yến Nhi	0	0	6.500.000	6.500.000
14	B21103195	Trần Thị Thảo Nguyên	0	5.700.000	6.500.000	12.200.000
15	B21103092	Trần Quốc Tiến	0	0	6.500.000	6.500.000
16	B21103202	Trương Thảo Uyên	0	0	6.500.000	6.500.000
17	B21103098	Trần Mai Trinh	0	0	6.500.000	6.500.000
18	B21103177	Nguyễn Thị Bích Tuyền	0	0	6.500.000	6.500.000
19	B21103178	Nguyễn Thị Thu Uyên	0	5.700.000	6.500.000	12.200.000
20	B21103099	Hoàng Trọng Tuấn	0	5.700.000	6.500.000	12.200.000
21	B21103103	Đặng Hoàng Vũ	3.700.000	5.700.000	6.500.000	15.900.000
22	B21103191	Nguyễn Duy Khang	0	5.700.000	6.500.000	12.200.000
			7.400.000	39.900.000	143.000.000	190.300.000

PHÒNG KẾ HOẠCH - TÀI CHÍNH
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

Người lập



Trần Nguyễn Thị Thanh Thảo

Phụ trách kế toán



Bùi Thị Xuân Hải



Nguyễn Thị Thu Hằng

DANH SÁCH SINH VIÊN CHƯA HOÀN TẤT HỌC PHÍ ĐẾN NGÀY 30.11.2022

Lớp: CĐ Dược I1D

TT	Mã	Họ và	tên	Số tiền chưa nộp HK1(2021-2022)	Số tiền chưa nộp HK2(2021-2022)	Số tiền chưa nộp HK1(2022-2023)	Tổng cộng
1	B21103105	Nguyễn Hoàng Kim	Anh	0	0	6.500.000	6.500.000
2	B21103106	Nguyễn Lê Phương	Anh	0	0	6.500.000	6.500.000
3	B21103142	Bùi Thị	Chung	0	0	6.500.000	6.500.000
4	B21103107	Trần Thị Mỹ	Cầm	0	0	6.500.000	6.500.000
5	B21103143	Phạm Văn	Di	0	0	6.500.000	6.500.000
6	B21103145	Võ Mỹ	Duyên	0	0	6.500.000	6.500.000
7	B21103110	Nguyễn Thị Hồng	Diệp	0	0	6.500.000	6.500.000
8	B21103146	Trương Thị Thu	Hà	0	0	6.500.000	6.500.000
9	B21103111	Võ Văn	Đoan	0	5.700.000	6.500.000	12.200.000
10	B21103112	Nguyễn văn	Đông	0	0	6.500.000	6.500.000
11	B21103115	Nguyễn Thị Minh	Hoà	0	0	6.500.000	6.500.000
12	B21103116	Trần Lê Kim	Hoàng	0	0	6.500.000	6.500.000
13	B21103155	Phạm Quỳnh Trúc	Linh	0	0	6.500.000	6.500.000
14	B21103117	Phạm Đăng	Huy	3.700.000	5.700.000	6.500.000	15.900.000
15	B21103157	Nguyễn Thị Thu	Ngân	0	0	6.500.000	6.500.000
16	B21103120	Hàng Tuyết	My	0	0	6.500.000	6.500.000
17	B21103122	Nguyễn Ngọc Phương	Ngân	0	5.700.000	6.500.000	12.200.000
18	B21103166	Đinh Thị	Nhiên	0	0	6.500.000	6.500.000
19	B21103125	Nguyễn Diệu	Phuong	3.700.000	5.700.000	6.500.000	15.900.000
20	B21103126	Nguyễn Lê Uyên	Phuong	0	0	6.500.000	6.500.000
21	B21103171	Võ Thị Thanh	Thảo	0	0	6.500.000	6.500.000
22	B21103127	Nguyễn Thị Mỹ	Phuong	0	0	6.500.000	6.500.000
23	B21103128	Võ thị như	Quỳnh	0	0	6.500.000	6.500.000
24	B21103130	Đoàn Thanh	Thảo	0	0	6.500.000	6.500.000
25	B21103131	Đặng Minh	Thư	0	0	6.500.000	6.500.000
26	B21103132	Nguyễn Phước	Tinh	0	0	6.500.000	6.500.000
27	B21103133	Trần Thị Huyền	Trâm	0	0	6.500.000	6.500.000
28	B21103136	Nguyễn Thị Thanh	Tuyền	3.700.000	5.700.000	6.500.000	15.900.000
29	B21103181	Phạm Thị Thủy	Vy	0	0	6.500.000	6.500.000
30	B21103137	Nguyễn Hoàng Khánh	Uyên	0	0	6.500.000	6.500.000

31	B21103138	Nguyễn Thị Thanh	Xuân	0	0	6.500.000	6.500.000
32	B21103198	Nguyễn Ánh	Phương	0	0	6.500.000	6.500.000
				11.100.000	28.500.000	208.000.000	247.600.000

PHÒNG KẾ HOẠCH - TÀI CHÍNH
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG


Trần Nguyễn Thị Thanh Thảo

Khu tách kế toán


Bùi Thị Xuân Thái

Người lập


Nguyễn Thị Thu Hằng

DANH SÁCH SINH VIÊN CHƯA HOÀN TẤT HỌC PHÍ ĐẾN NGÀY 30.11.2022

Lớp: CĐ Dược 11E

TT	Mã	Họ và tên	Ngày sinh	Số tiền chưa nộp HK1(2021-2022)	Số tiền chưa nộp HK2(2021-2022)	Số tiền chưa nộp HK1(2022-2023)	Tổng cộng
1	B21103173	Nguyễn Phan Thanh	Thủy	0	5.700.000	6.500.000	12.200.000
2	B21103174	Nguyễn Thị Ngọc	Thúy	0	5.700.000	6.500.000	12.200.000
3	B21103175	Nguyễn Thị Thu	Trang	3.700.000	5.700.000	6.500.000	15.900.000
4	B21103176	Hồ Mỹ Tú	Trinh	3.700.000	5.700.000	6.500.000	15.900.000
5	B21103180	Lâm Hạ	Vý	0	5.700.000	6.500.000	12.200.000
6	B21103184	Phạm Thị Như	Yến	0	5.700.000	6.500.000	12.200.000
				7.400.000	34.200.000	39.000.000	80.600.000

PHÒNG KẾ HOẠCH - TÀI CHÍNH
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

Người lập

Trần Nguyễn Thị Thanh Thảo

Nguyễn Thị Thu Hằng

DANH SÁCH SINH VIÊN CHƯA HOÀN TẤT HỌC PHÍ ĐẾN NGÀY 30.11.2022

Lớp: CĐ Dược 11F

TT	Mã	Họ và tên	Ngày sinh	Số tiền chưa nộp HK1(2021-2022)	Số tiền chưa nộp HK2(2021-2022)	Số tiền chưa nộp HK1(2022-2023)	Tổng cộng
1	B21103153	Đào Thị Linh	02/01/2003	3.700.000	5.700.000	6.500.000	15.900.000
2	B21103163	Nguyễn Thị Bích Nguyên	27/11/1993	3.700.000	5.700.000	6.500.000	15.900.000
3	B21103179	Đặng Quang Vinh	10/3/1999	3.700.000	5.700.000	6.500.000	15.900.000
4	B21103183	Phạm Lê Như Ý	23/10/2003	0	5.700.000	6.500.000	12.200.000
5	B21103185	Trần Thị Kim yển	08/3/2003	3.700.000	5.700.000	6.500.000	15.900.000
6	B21103203	Nguyễn Lê Như Ý	17/01/1994	0	5.700.000	6.500.000	12.200.000
				14.800.000	34.200.000	39.000.000	88.000.000

PHÒNG KẾ HOẠCH - TÀI CHÍNH
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

Người lập

Trần Nguyễn Thị Thanh Thảo

Nguyễn Thị Thu Hằng

DANH SÁCH SINH VIÊN CHƯA HOÀN TẤT HỌC PHÍ ĐẾN NGÀY 30.11.2022

Lớp: CĐ ĐIỀU DƯỠNG 13A

TT Mã	Họ và tên	Số tiền chưa nộp HK1 (2018-2019)	Số tiền chưa nộp HK2 (2018-2019)	Số tiền chưa nộp HK1 (2019-2020)	Số tiền chưa nộp HK2 (2019-2020)	Số tiền chưa nộp HK1 (2020-2021)	Số tiền chưa nộp HK2(2020-2021)	Tổng cộng
1	Nguyễn Thị Nhật Hằng	0	0	5.200.000	5.200.000	5.700.000	5.700.000	16.100.000
2	Nguyễn Thị Kim Trúc	0	4.700.000	5.200.000	5.200.000	5.700.000	5.700.000	20.800.000
		0	4.700.000	10.400.000	10.400.000	11.400.000	11.400.000	36.900.000

PHÒNG KẾ HOẠCH - TÀI CHÍNH
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG



Trần Nguyễn Thị Thanh Thảo

Phu trách kế toán



Bùi Xuân Thái

Người lập



Nguyễn Thị Thu Hằng

DANH SÁCH SINH VIÊN CHƯA HOÀN TẤT HỌC PHÍ ĐẾN NGÀY 30.11.2022

Lớp: CĐ ĐIỀU DƯỠNG 13B

TT	Mã	Họ và tên	Số tiền chưa nộp HK1 (2018-2019)	Số tiền chưa nộp HK2 (2018-2019)	Số tiền chưa nộp HK1 (2019-2020)	Số tiền chưa nộp HK2 (2019-2020)	Số tiền chưa nộp HK1 (2020-2021)	Số tiền chưa nộp HK2 (2020-2021)	Tổng cộng
1	B18101056	Vũ Thị Ngọc Hà	0	0	5.200.000	5.200.000	5.700.000	5.700.000	21.800.000
2	B18101060	Trần Thị Ngọc Hân	0	0	5.200.000	5.200.000	5.700.000	5.700.000	21.800.000
3	B18101080	Cao Thị Tình	0	0	0	0	0	1.710.000	1.710.000
			0	0	10.400.000	10.400.000	11.400.000	13.110.000	45.310.000

PHÒNG KẾ HOẠCH - TÀI CHÍNH
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG



Trần Nguyễn Thị Thanh Thảo

Phụ trách kế toán



Bùi Thị Xuân Hải

Người lập



Nguyễn Thị Thu Hằng

DANH SÁCH SINH VIÊN CHƯA HOÀN TẤT HỌC PHÍ ĐẾN NGÀY 30.11.2022

Lớp: CD Điều dưỡng 14A

TT	Mã	Họ và tên	Số tiền chưa nộp HK1 (2019-2020)	Số tiền chưa nộp HK2 (2019-2020)	Số tiền chưa nộp HK1 (2020-2021)	Số tiền chưa nộp HK2 (2020-2021)	Số tiền chưa nộp HK1 (2021-2022)	Số tiền chưa nộp HK2 (2021-2022)	Tổng cộng
1	B19101002	Đỗ Ngọc Khánh	0	0	0	0	0	5.700.000	5.700.000
2	B19101022	Đoàn Bùi Hà	0	5.200.000	5.700.000	5.700.000	5.700.000	5.700.000	28.000.000
3	B19101028	Võ Nguyễn Hoàng Nhân	0	0	0	0	0	5.700.000	5.700.000
			0	5.200.000	5.700.000	5.700.000	5.700.000	17.100.000	39.400.000

PHÒNG KẾ HOẠCH - TÀI CHÍNH
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG



Trần Nguyễn Thị Thanh Thảo

Phụ trách kế toán



Bùi Thị Xuân Thái

Người lập



Nguyễn Thị Thu Hằng

DANH SÁCH SINH VIÊN CHƯA HOÀN TẤT HỌC PHÍ ĐẾN NGÀY 30.11.2022

Lớp: CĐ Điều dưỡng 15A

TT	Mã	Họ và	tên	Số tiền chưa nộp HK1(2020-2021)	Số tiền chưa nộp HK2(2020-2021)	Số tiền chưa nộp HK1(2021-2022)	Số tiền chưa nộp HK2(2021-2022)	Số tiền chưa nộp HK1(2022-2023)	Tổng cộng
1	B20101004	Nguyễn Khánh	Lâm	0	0	0	0	6.500.000	6.500.000
2	B20101005	Đỗ Thị Cẩm	Linh	0	0	0	0	6.500.000	6.500.000
3	B20101011	Nguyễn Thị Ánh	Nhung	0	5.700.000	5.700.000	5.700.000	6.500.000	23.600.000
4	B20101012	Võ Thị Nguyệt	Sương	0	0	0	0	6.500.000	6.500.000
5	B20101015	Huỳnh Kim	Thoại	0	0	0	5.700.000	6.500.000	12.200.000
6	B20101019	Huỳnh Thị Ngọc	Thùy	0	0	0	0	6.500.000	6.500.000
7	B20101020	Nguyễn Văn	Tiến	0	0	0	0	6.500.000	6.500.000
8	B20101022	Lê Huỳnh Bảo	Trần	0	5.700.000	5.700.000	5.700.000	6.500.000	23.600.000
9	B20101058	Khuu Thị Thanh	Tâm	0	0	0	0	6.500.000	6.500.000
10	B20101023	Phí Thị Ngọc	Trang	0	0	0	0	6.500.000	6.500.000
11	B20101026	Nguyễn Thị Thanh	Trúc	0	0	0	5.700.000	6.500.000	12.200.000
12	B20101027	Nguyễn Diệu Tố	Uyên	0	0	0	5.700.000	6.500.000	12.200.000
13	B20101029	Ngô Phúc	Vinh	0	0	5.700.000	5.700.000	6.500.000	17.900.000
14	B20101030	Võ Thị Mỹ	Vy	0	5.700.000	5.700.000	5.700.000	6.500.000	23.600.000
15	B20101032	Dương Trần Thảo	Vy	0	0	0	0	6.500.000	6.500.000
16	B20101067	Lê Nguyễn Thủy	Tiến	0	0	0	5.700.000	6.500.000	12.200.000
17	B20101034	Đoàn Như	Ý	0	0	0	5.700.000	6.500.000	12.200.000
18	B20101069	Nguyễn Thị Ngọc	Trâm	0	0	0	0	6.500.000	6.500.000
				0	17.100.000	22.800.000	51.300.000	117.000.000	208.200.000

PHÒNG KẾ HOẠCH - TÀI CHÍNH
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

Người lập



Trần Nguyễn Thị Thanh Thảo

Phụ trách kế toán



Bùi Thị Xuân Thái

Nguyễn Thị Thu Hằng

DANH SÁCH SINH VIÊN CHƯA HOÀN TẤT HỌC PHÍ ĐẾN NGÀY 30.11.2022

Lớp: CĐ Điều dưỡng 15B

TT Mã	Họ và	tên	Số tiền chưa nộp HK1(2020-2021)	Số tiền chưa nộp HK2(2020-2021)	Số tiền chưa nộp HK1(2021-2022)	Số tiền chưa nộp HK2(2021-2022)	Số tiền chưa nộp HK1(2022-2023)	Tổng cộng
1 B20101036	Đào Nguyễn Thảo	Anh	0	0	0	5.700.000	6.500.000	12.200.000
2 B20101037	Võ Thái Hoàng	Bảo	0	0	0	0	6.500.000	6.500.000
3 B20101039	Nguyễn Văn	Đường	0	0	0	0	6.500.000	6.500.000
4 B20101040	Nguyễn Thị Thu	Hà	0	0	0	5.700.000	6.500.000	12.200.000
5 B20101041	Huỳnh Nguyễn Thúy	Hiền	0	0	0	5.700.000	6.500.000	12.200.000
6 B20101042	Châu Thị Thùy	Hương	0	5.700.000	5.700.000	5.700.000	6.500.000	23.600.000
7 B20101043	Nguyễn Thị Thu	Hường	0	0	5.700.000	5.700.000	6.500.000	17.900.000
8 B20101044	Phan Anh	Khoa	0	0	0	5.700.000	6.500.000	12.200.000
9 B20101045	Lê Thị Nhật	Linh	0	0	0	0	6.500.000	6.500.000
10 B20101047	Hồ Thị Trúc	Linh	0	0	5.700.000	5.700.000	6.500.000	17.900.000
11 B20101048	Bùi Ngọc Yến	Linh	0	0	0	0	6.500.000	6.500.000
12 B20101049	Tương Viết Đức	Lợi	0	0	0	0	6.500.000	6.500.000
13 B20101051	Nguyễn Thị Ngọc	Nhi	0	0	0	5.700.000	6.500.000	12.200.000
14 B20101052	Trần Thị Hồng	Nhung	0	0	5.700.000	5.700.000	6.500.000	17.900.000
15 B20101054	Võ Thị Kim	Phúc	0	0	0	5.700.000	6.500.000	12.200.000
16 B20101057	Nguyễn Thị Bảo	Sen	0	0	0	5.700.000	6.500.000	12.200.000
17 B20101059	Đặng Thị Thanh	Tâm	0	0	0	0	6.500.000	6.500.000
18 B20101060	Huỳnh Ngọc	Thạch	0	0	0	0	6.500.000	6.500.000
19 B20101061	Nguyễn Thị Kim	Thoa	0	0	0	5.700.000	6.500.000	12.200.000
20 B20101062	Phạm Hoàng Anh	Thư	0	0	0	0	6.500.000	6.500.000
21 B20101063	Đồng Xuân	Thuận	0	0	0	0	6.500.000	6.500.000
22 B20101065	Trần Thị Bích	Thùy	0	0	5.700.000	5.700.000	6.500.000	17.900.000
23 B20101066	Trần Xuân	Thùy	0	0	0	0	6.500.000	6.500.000
24 B20101068	Hồ Thị Kim	Tiến	0	0	5.700.000	5.700.000	6.500.000	17.900.000
25 B20101071	Phạm Hà	Trang	0	5.700.000	5.700.000	5.700.000	6.500.000	23.600.000
26 B20101073	Huỳnh Khắc	Triều	0	0	0	5.700.000	6.500.000	12.200.000
27 B20101074	Trần Thị Mỹ	Trinh	0	0	0	0	6.500.000	6.500.000
28 B20101076	Nguyễn Anh	Tú	0	5.700.000	5.700.000	5.700.000	6.500.000	23.600.000
29 B20101077	Phạm Thị Duy	Uyên	0	0	0	0	6.500.000	6.500.000

30	B20101078	Trương Mai Ái	Vy	0	0	5.700.000	5.700.000	5.700.000	6.500.000	17.900.000
31	B20101079	Phạm Thị	Xoan	0	5.700.000	5.700.000	5.700.000	5.700.000	6.500.000	23.600.000
32	B20101081	Trần Thị Hải	Yến	0	0	0	5.700.000	5.700.000	6.500.000	12.200.000
33	B20101082	Lê Đức	Huy	0	0	0	0	0	6.500.000	6.500.000
34	B20101083	Phạm Ngọc	Thị	0	0	0	0	0	6.500.000	6.500.000
35	B20101084	Nguyễn Khắc	Thiệp	0	0	5.700.000	5.700.000	5.700.000	6.500.000	17.900.000
36	B20101085	Nguyễn Thị Huyền	Nhung	0	5.700.000	5.700.000	5.700.000	5.700.000	6.500.000	23.600.000
37	B20101086	Trần Lê Kim	Hoàng	0	0	0	0	0	6.500.000	6.500.000
38	B20101087	Nguyễn Bảo	Châu	0	0	5.700.000	5.700.000	5.700.000	6.500.000	17.900.000
				0	28.500.000	74.100.000	131.100.000	247.000.000		480.700.000

Phu trách kế toán

PHÒNG KẾ HOẠCH - TÀI CHÍNH
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

Người lập



Trần Nguyễn Thị Thanh Thảo



Bùi Thị Xuân Thái



Nguyễn Thị Thu Hằng

DANH SÁCH SINH VIÊN CHƯA HOÀN TẤT HỌC PHÍ ĐẾN NGÀY 30.11.2022

Lớp: CĐ Điều dưỡng 16A

TT	Mã	Họ và	tên	Số tiền chưa nộp HK1(2021-2022)	Số tiền chưa nộp HK2(2021-2022)	Số tiền chưa nộp HK3(2022-2023)	Tổng cộng
1	B21101001	Trần Phương	Anh	0	0	6.500.000	6.500.000
2	B20101025	Nguyễn Hoàng Thanh	Trúc	0	0	6.500.000	6.500.000
3	B21101004	Nguyễn Thị Hồng	Dung	0	5.700.000	6.500.000	12.200.000
4	B21101005	Nguyễn Thành	Đạt	0	5.700.000	6.500.000	12.200.000
5	B21101110	Hà Thị	Hoa	0	0	6.500.000	6.500.000
6	B21101111	Bùi Thị	Hoài	0	0	6.500.000	6.500.000
7	B21101008	Phạm Thanh Phương	Hằng	0	0	6.500.000	6.500.000
8	B21101010	Trần Thanh	Hoàn	0	0	6.500.000	6.500.000
9	B21101116	Lê Thị Thu	Ngân	0	0	6.500.000	6.500.000
10	B21101011	Trần Mỹ	Huệ	0	0	6.500.000	6.500.000
11	B21101015	Đặng Ngọc Kiều	My	0	5.700.000	6.500.000	12.200.000
12	B21101117	Nguyễn Khánh	Ngân	0	0	6.500.000	6.500.000
13	B21101121	Đỗ Thị Yến	Nhi	0	0	6.500.000	6.500.000
14	B21101017	Trương Thị Trà	My	0	0	6.500.000	6.500.000
15	B21101020	Hà Thị Bích	Nhi	0	0	6.500.000	6.500.000
16	B21101022	Nguyễn Trần Thảo	Nhi	0	0	6.500.000	6.500.000
17	B21101023	Phạm Yến	Nhi	0	0	6.500.000	6.500.000
18	B21101026	Võ Thiện	Tân	0	5.700.000	6.500.000	12.200.000
19	B21101027	Nguyễn Thị Thanh	Thắm	0	0	6.500.000	6.500.000
20	B21101128	Trương Hoài	Thị	0	0	6.500.000	6.500.000
21	B21101134	Nguyễn Thị Tuyết	Trinh	0	0	6.500.000	6.500.000
22	B21101030	Nguyễn Thị Liên	Trâm	0	0	6.500.000	6.500.000
23	B21101137	Huỳnh Thị Diệu	Hương	0	0	6.500.000	6.500.000
24	B21101034	Hồ Ngọc Tường	Vy	0	0	6.500.000	6.500.000
25	B21101141	Huỳnh Thị Kim	Thoa	0	0	6.500.000	6.500.000
				0	22.800.000	162.500.000	185.300.000

PHÒNG KẾ HOẠCH - TÀI CHÍNH
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

Phụ trách kế toán

Người lập

Nguyễn Thị Hằng

DANH SÁCH SINH VIÊN CHƯA HOÀN TẤT HỌC PHÍ ĐẾN NGÀY 30.11.2022

Lớp: CĐ Điều dưỡng 16B

TT	Mã	Họ và	tên	Số tiền chưa nộp HK1(2021-2022)	Số tiền chưa nộp HK2(2021-2022)	Số tiền chưa nộp HK1(2022-2023)	Tổng cộng
1	B21101039	Tài Kỳ	Duyên	0	0	6.500.000	6.500.000
2	B21101041	Bùi Việt	Hà	0	5.700.000	6.500.000	12.200.000
3	B21101045	Nguyễn Quỳnh	Hương	0	0	6.500.000	6.500.000
4	B21101119	Đặng Hoà Thiên	Nhi	0	5.700.000	6.500.000	12.200.000
5	B21101054	Lê Thị Quỳnh	Ngọc	0	5.700.000	6.500.000	12.200.000
6	B21101056	Nguyễn Thục	Nhi	0	0	6.500.000	6.500.000
7	B21101059	Tô Nhật	Quỳnh	0	0	6.500.000	6.500.000
8	B21101060	Bùi Thị Tú	Thanh	0	0	6.500.000	6.500.000
9	B21101131	Trần Mỹ Đoan	Thùy	0	0	6.500.000	6.500.000
10	B21101063	Nguyễn Thị Khánh	Thương	0	0	6.500.000	6.500.000
11	B21101143	Phan Thị Anh	Thư	0	0	6.500.000	6.500.000
				0	17.100.000	71.500.000	88.600.000

PHÒNG KẾ HOẠCH - TÀI CHÍNH
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

Trần Nguyễn Thị Thanh Thảo

Phụ trách kế toán

Bùi Thị Xuân Thái

Người lập

Nguyễn Thị Thu Hằng

DANH SÁCH SINH VIÊN CHƯA HOÀN TẤT HỌC PHÍ ĐẾN NGÀY 30.11.2022

Lớp: CĐ Điều dưỡng 16C

TT	Mã	Họ và	tên	Số tiền chưa nộp HK1(2021-2022)	Số tiền chưa nộp HK2(2021-2022)	Số tiền chưa nộp HK1(2022-2023)	Tổng cộng
1	B21101073	Tạ Hồng	Án	0	5.700.000	6.500.000	12.200.000
2	B21101107	Lê Phan Hồng	An	0	0	6.500.000	6.500.000
3	B21101075	Nguyễn Mỹ	Đan	0	5.700.000	6.500.000	12.200.000
4	B21101076	Trương Nguyễn Hoàng	Duy	0	0	6.500.000	6.500.000
5	B21101078	Đoàn Ngọc Mai	Khanh	0	5.700.000	6.500.000	12.200.000
6	B21101079	Huỳnh Ngọc Thảo	Ly	0	5.700.000	6.500.000	12.200.000
7	B21101080	Nguyễn Dương Nhật	Nam	0	0	6.500.000	6.500.000
8	B21101081	Nguyễn Thị Thanh	Ngân	0	0	6.500.000	6.500.000
9	B21101082	Tô Thị Thanh	Ngân	0	0	6.500.000	6.500.000
10	B21101084	Nguyễn Yến	Nhi	0	5.700.000	6.500.000	12.200.000
11	B21101085	Phan Thị Hồng	Nhiên	0	0	6.500.000	6.500.000
12	B21101086	Đặng Thị Ngọc	Quế	0	5.700.000	6.500.000	12.200.000
13	B21101087	Trần Diễm	Quỳnh	0	0	6.500.000	6.500.000
14	B21101088	Lê Thị Kim	Tâm	0	0	6.500.000	6.500.000
15	B21101123	Nguyễn Thuý Như	Quỳnh	0	0	6.500.000	6.500.000
16	B21101124	Bùi Thanh	Sang	0	0	6.500.000	6.500.000
17	B21101090	Nguyễn Huỳnh Thanh	Thảo	0	5.700.000	6.500.000	12.200.000
18	B21101091	Trần Thị	Thom	0	0	6.500.000	6.500.000
19	B21101125	Lê Thị Thuý	Sen	0	0	6.500.000	6.500.000
20	B21101092	Trương Nguyễn Minh	Thư	3.700.000	5.700.000	6.500.000	15.900.000
21	B21101094	Nguyễn Thị Minh	Trâm	0	0	6.500.000	6.500.000
22	B21101095	Đinh Phan Huyền	Trân	0	0	6.500.000	6.500.000
23	B21101097	Lê Võ Huyền	Trần	0	0	6.500.000	6.500.000
24	B21101098	Nguyễn Văn	Triều	0	0	6.500.000	6.500.000
25	B21101132	Nguyễn Thị Minh	Thy	0	0	6.500.000	6.500.000
26	B21101099	Nguyễn Thị Hồng	Trinh	0	0	6.500.000	6.500.000
27	B21101100	Nguyễn Thanh	Tuyền	0	0	6.500.000	6.500.000
28	B21101101	Phan Thị Bích	Tuyền	3.700.000	5.700.000	6.500.000	15.900.000
29	B21101102	Dương Nguyễn Vân	Uyen	0	0	6.500.000	6.500.000

30	B21101103	Lữ Nhật	Uyên	3.700.000	5.700.000	6.500.000	15.900.000
31	B21101104	Đào Huỳnh Triệu	Vy	0	5.700.000	6.500.000	12.200.000
32	B21101106	Lê Thị Như	Ý	0	0	6.500.000	6.500.000
33	B21101139	Trần Thị Bích	Kĩ	0	5.700.000	6.500.000	12.200.000
34	B21101144	Nguyễn Trung	Trúc	0	0	6.500.000	6.500.000
35	B21101145	Nguyễn Khánh	Việt	0	0	6.500.000	6.500.000
36	B21101146	Trần Thanh	Tuyền	0	0	6.500.000	6.500.000
				11.100.000	68.400.000	234.000.000	313.500.000

PHÒNG KẾ HOẠCH - TÀI CHÍNH
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG



Trần Nguyễn Thị Thanh Thảo

Phụ trách kế toán



Nguyễn Thị Thu Hằng

Người lập



DANH SÁCH SINH VIÊN CHƯA HOÀN TẤT HỌC PHÍ ĐẾN NGÀY 30.11.2022

Lớp: CĐ Điều dưỡng 16D

TT	Mã	Họ và	tên	Số tiền chưa nộp HK1(2021-2022)	Số tiền chưa nộp HK2(2021-2022)	Số tiền chưa nộp HK1(2022-2023)	Tổng cộng
1	B21101112	Trần Thị Hồng	Liên	3.700.000	5.700.000	6.500.000	15.900.000
2	B21101114	Bùi Lê	Mai	0	0	6.500.000	6.500.000
3	B21101115	Châu Lê Nhật	My	0	5.700.000	6.500.000	12.200.000
4	B21101118	Phan Thế Cao	Nguyễn	0	5.700.000	6.500.000	12.200.000
5	B21101120	Đặng Thị Yên	Nhi	0	5.700.000	6.500.000	12.200.000
6	B21101122	Nguyễn Hoàng	Phúc	3.700.000	5.700.000	6.500.000	15.900.000
7	B21101129	Phạm Nguyễn Anh	Thư	3.700.000	5.700.000	6.500.000	15.900.000
8	B21101130	Trần Ngọc Hiền	Thương	0	5.700.000	6.500.000	12.200.000
9	B21101135	Cao Thị	Tuyền	0	0	6.500.000	6.500.000
10	B21101138	Hồ Xuân	Vũ	0	5.700.000	6.500.000	12.200.000
				11.100.000	45.600.000	65.000.000	121.700.000

PHÒNG KẾ HOẠCH - TÀI CHÍNH
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG



Trần Nguyễn Thị Thanh Thảo

Phụ trách kế toán



Bùi Thị Xuân Châu

Người lập



Nguyễn Thị Thu Hằng

DANH SÁCH SINH VIÊN CHƯA HOÀN TẤT HỌC PHÍ ĐẾN NGÀY 30.11.2022

Lớp: CĐ Hộ sinh 8

TT	Mã	Họ và tên	Số tiền chưa nộp HK1(2020-2021)	Số tiền chưa nộp HK2(2020-2021)	Số tiền chưa nộp HK1(2021-2022)	Số tiền chưa nộp HK2(2021-2022)	Số tiền chưa nộp HK1(2022-2023)	Tổng cộng
1	B20102001	Mang Thị Hồng Linh	0	0	0	0	6.500.000	6.500.000
2	B20102002	Nguyễn Phương Thắm	0	0	0	0	6.500.000	6.500.000
3	B20102003	Võ Kim Thủy	0	0	0	0	6.500.000	6.500.000
4	B20102004	Cà Ron Thị Trẻ	0	0	0	0	6.500.000	6.500.000
5	B20102005	Nguyễn Thị Thanh Nhi	0	0	0	0	6.500.000	6.500.000
6	B20102006	Trương Thị Tuyết Trinh	0	0	0	0	6.500.000	6.500.000
			0	0	0	0	39.000.000	39.000.000

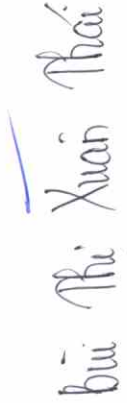
**PHÒNG KẾ HOẠCH - TÀI CHÍNH
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**



Trần Nguyễn Thị Thanh Thảo



Người lập



Nguyễn Thị Thu Hằng

DANH SÁCH SINH VIÊN CHƯA HOÀN TẤT HỌC PHÍ ĐẾN NGÀY 30.11.2022

Lớp: CĐ Hộ sinh 9

TT	Mã	Họ và	tên	Số tiền chưa nộp HK1(2021-2022)	Số tiền chưa nộp HK2(2021-2022)	Số tiền chưa nộp HK1(2022-2023)	Tổng cộng
1	B21102002	Lê Hồ Kim	Huệ	0	0	6.500.000	6.500.000
				0	0	6.500.000	6.500.000

PHÒNG KẾ HOẠCH - TÀI CHÍNH
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

Trần Nguyễn Thị Thanh Thảo

Người trách kế toán

Người lập

Nguyễn Thị Thu Hằng

DANH SÁCH SINH VIÊN CHƯA HOÀN TẤT HỌC PHÍ ĐẾN NGÀY 30.11.2022

Lớp: CĐ KT Hình ảnh 11

TT	Mã	Họ và tên	Số tiền đã nộp HK1(2018-2019)	Số tiền đã nộp HK2(2018-2019)	Số tiền đã nộp HK1(2019-2020)	Số tiền đã nộp HK2(2019-2020)	Số tiền đã nộp HK1(2020-2021)	Số tiền đã nộp HK2(2020-2021)	Tổng cộng
1	B18104010	Phạm Tiến Phương Nam	0	0	0	5.200.000	5.700.000	5.700.000	16.600.000
			0	0	0	5.200.000	5.700.000	5.700.000	16.600.000

PHÒNG KẾ HOẠCH - TÀI CHÍNH
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG



Trần Nguyễn Thị Thanh Thảo

Phụ trách kế toán



Bùi Thị Xuân Hải

Người lập



Nguyễn Thị Thu Hằng

DANH SÁCH SINH VIÊN CHƯA HOÀN TẤT HỌC PHÍ ĐẾN NGÀY 30.11.2022

Lớp: CĐ KT Hình ảnh 12

TT	Mã	Họ và tên	Số tiền chưa nộp HK1(2020-2021)	Số tiền chưa nộp HK2(2020-2021)	Số tiền chưa nộp HK1(2021-2022)	Số tiền chưa nộp HK2(2021-2022)	Số tiền chưa nộp HK1(2022-2023)
1	B20104001	Lê Minh Chiến	0	0	5.700.000	5.700.000	6.500.000
2	B20104002	Lê Hoàng Diệp	0	5.700.000	5.700.000	5.700.000	6.500.000
3	B20104003	Phạm Minh Hải	0	0	0	5.700.000	6.500.000
4	B20104004	Dương Đăng Huy	0	0	0	5.700.000	6.500.000
5	B20104006	Nguyễn Xuân Tiến Phát	0	0	0	5.700.000	6.500.000
6	B20104008	Đổng Kiệt Tường	0	0	0	0	6.500.000
7	B20104009	Trịnh Công Vinh	0	0	0	0	6.500.000
8	B20104010	Nguyễn Đoàn Quốc Đạt	0	5.700.000	5.700.000	5.700.000	6.500.000
9	B20104011	Lê Quang Thành	0	0	0	0	6.500.000
10	B20104012	Thiều Quang Khánh	0	0	0	0	6.500.000
			0	11.400.000	17.100.000	34.200.000	65.000.000

PHÒNG KẾ HOẠCH - TÀI CHÍNH
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

Người lập

Trần Nguyễn Thị Thanh Thảo

Nguyễn Thị Thu Hằng

DANH SÁCH SINH VIÊN CHƯA HOÀN TẤT HỌC PHÍ ĐẾN NGÀY 30.11.2022

Lớp: CĐ KT Hình ảnh 13

TT	Mã	Họ và	tên	Số tiền chưa nộp HK1(2021-2022)	Số tiền chưa nộp HK2(2021-2022)	Số tiền chưa nộp HK1(2022-2023)	Tổng cộng
1	B21104001	Hoàng Tuấn	Anh	0	5.700.000	6.500.000	12.200.000
2	B21104003	Ngô Chí	Dũng	0	0	6.500.000	6.500.000
3	B21104006	Lương Tuấn	Hào	0	5.700.000	6.500.000	12.200.000
4	B21104008	Lê Trung	Kha	0	0	6.500.000	6.500.000
5	B21104009	Phan Khôi	Nguyễn	3.700.000	5.700.000	6.500.000	15.900.000
6	B21104011	Phùng Viết	Quân	3.700.000	5.700.000	6.500.000	15.900.000
7	B21104014	Nguyễn Thị Thanh	Trang	0	5.700.000	6.500.000	12.200.000
				7.400.000	28.500.000	45.500.000	81.400.000

PHÒNG KẾ HOẠCH - TÀI CHÍNH
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG



Trần Nguyễn Thị Thanh Thảo

Người trách kế toán

Người lập



Nguyễn Thị Thu Hằng

DANH SÁCH SINH VIÊN CHƯA HOÀN TẤT HỌC PHÍ ĐẾN NGÀY 30.11.2022

Lớp: CD KT Xét nghiệm 12

TT	Mã	Họ và tên	Số tiền chưa nộp HK1(2020-2021)	Số tiền chưa nộp HK2(2020-2021)	Số tiền chưa nộp HK1(2021-2022)	Số tiền chưa nộp HK2(2021-2022)	Số tiền chưa nộp HK1(2022-2023)	Tổng cộng
1	B20105008	KPă Thủy	0	5.700.000	5.700.000	5.700.000	6.500.000	23.600.000
			0	5.700.000	5.700.000	5.700.000	6.500.000	23.600.000

PHÒNG KẾ HOẠCH - TÀI CHÍNH
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG



Trần Nguyễn Thị Thanh Thảo

Phụ trách kế toán



Bùi Thị Xuân Thái

Người lập



Nguyễn Thị Thu Hằng

DANH SÁCH SINH VIÊN CHƯA HOÀN TẤT HỌC PHÍ ĐẾN NGÀY 30.11.2022

Lớp: CĐ KT Xét nghiệm 13

TT	Mã	Họ và	tên	Số tiền chưa nộp HK1(2021-2022)	Số tiền chưa nộp HK2(2021-2022)	Số tiền chưa nộp HK1(2022-2023)	Tổng cộng
1	B21105003	Phạm Thành	Đạt	0	0	6.500.000	6.500.000
2	B21105005	Phạm Thị Thu	Hằng	0	5.700.000	6.500.000	12.200.000
3	B21105006	Trần Thị Ngọc	Loan	0	0	6.500.000	6.500.000
4	B21105010	Nguyễn Bích	Phượng	3.700.000	5.700.000	6.500.000	15.900.000
5	B21105013	Đặng Phước	Tiến	0	0	6.500.000	6.500.000
6	B21105015	Lê Nguyễn Minh	Hiền	0	5.700.000	6.500.000	12.200.000
				3.700.000	17.100.000	39.000.000	59.800.000

PHÒNG KẾ HOẠCH - TÀI CHÍNH
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG



Trần Nguyễn Thị Thanh Thảo

Phụ trách kế toán

Bùi Thị Xuân Hải

Người lập



Nguyễn Thị Thu Hằng

DANH SÁCH SINH VIÊN CHƯA HOÀN TẤT HỌC PHÍ ĐẾN NGÀY 30.11.2022

Lớp: CĐ Kỹ thuật Phục hình răng 2

TT	Mã	Họ và tên	Số tiền chưa nộp HK1(2019-2020)	Số tiền chưa nộp HK2(2019-2020)	Số tiền chưa nộp HK1(2020-2021)	Số tiền chưa nộp HK2(2020-2021)	Số tiền chưa nộp HK1(2021-2022)	Số tiền chưa nộp HK2(2021-2022)	Tổng cộng
1	B1910106009	Đạo Thanh	0	0	0	0	0	5.700.000	5.700.000
2	B1910106015	Nguyễn Võ Triệu	0	0	5.700.000	5.700.000	5.700.000	5.700.000	10400000
3	B1910106027	Nguyễn Trí	0	0	5.700.000	5.700.000	5.700.000	5.700.000	10400000
			0	0	11.400.000	11.400.000	11.400.000	17.100.000	26.500.000

PHÒNG KẾ HOẠCH - TÀI CHÍNH
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG



Trần Nguyễn Thị Thanh Thảo

Phụ trách kế toán



Bùi Xuân Thái

Người lập



Nguyễn Thị Thu Hằng

DANH SÁCH SINH VIÊN CHƯA HOÀN TẤT HỌC PHÍ ĐẾN NGÀY 30.11.2022

Lớp: CĐ Kỹ thuật Phục hình răng 3

TT	Mã	Họ và	tên	Số tiền đã nộp HK1(2020-2021)	Số tiền đã nộp HK2(2020-2021)	Số tiền đã nộp HK1(2021-2022)	Số tiền đã nộp HK2(2021-2022)	Số tiền đã nộp HK1(2022-2023)	Tổng cộng
1	B20106001	Hoàng Gia Nữ	Anh	0	5.700.000	5.700.000	5.700.000	6.500.000	23.600.000
2	B20106002	Lê Hiền	Diệu	0	0	0	0	6.500.000	6.500.000
3	B20106003	Nguyễn Khánh	Duy	0	0	0	0	6.500.000	6.500.000
4	B20106004	Lê Thị	Hòa	0	5.700.000	5.700.000	5.700.000	6.500.000	23.600.000
5	B20106005	Nguyễn Xuân	Hợp	0	0	0	0	6.500.000	6.500.000
6	B20106006	Tạ Thị Trinh	Khuyên	0	0	0	5.700.000	6.500.000	12.200.000
7	B20106007	Trịnh Thị Kim	Linh	0	0	0	0	6.500.000	6.500.000
8	B20106008	La Văn	Lợi	0	5.700.000	5.700.000	5.700.000	6.500.000	23.600.000
9	B20106009	Huỳnh Thị Ngân	Nga	0	0	0	0	6.500.000	6.500.000
10	B20106010	Phạm Thị Ngọc	Ngà	0	0	0	0	6.500.000	6.500.000
11	B20106011	Thuận Thị Băng	Nhạn	0	0	0	0	6.500.000	6.500.000
12	B20106012	Nguyễn Đình	Nhật	0	0	5.700.000	5.700.000	6.500.000	17.900.000
13	B20106013	Nguyễn Ngọc Phương	Nhi	0	0	0	0	6.500.000	6.500.000
14	B20106014	Nguyễn Thị Yên	Nhi	0	0	0	0	6.500.000	6.500.000
15	B20106015	Nguyễn Thị Kim	Nhi	0	0	5.700.000	5.700.000	6.500.000	12.200.000
16	B1910106017	Phạm Trọng	Nghĩa	0	0	0	0	6.500.000	12.200.000
17	B20106016	Dương Minh	Phước	0	0	0	0	6.500.000	6.500.000
18	B20106017	Nguyễn Hữu	Phước	0	0	0	0	6.500.000	6.500.000
19	B20106018	Huỳnh Tấn	Quân	0	0	0	0	6.500.000	6.500.000
20	B20106020	Huỳnh Thị Phương	Thảo	0	0	0	0	6.500.000	6.500.000
21	B20106021	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	0	0	0	0	6.500.000	6.500.000
22	B20106024	Lê Phú	Triệu	0	0	0	0	6.500.000	6.500.000
23	B20106026	Lê Đình Yên	Nhi	0	0	0	5.700.000	6.500.000	12.200.000
				0	17.100.000	28.500.000	51.300.000	149.500.000	246.400.000

PHÒNG KẾ HOẠCH - TÀI CHÍNH
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

Người lập

Trần Nguyễn Thị Thanh Thảo

Nguyễn Thị Thu Hằng

DANH SÁCH SINH VIÊN CHƯA HOÀN TẤT HỌC PHÍ ĐẾN NGÀY 30.11.2022

Lớp: CD KT Phục hình răng 4

TT	Mã	Họ và	tên	Số tiền chưa nộp HK1(2021-2022)	Số tiền chưa nộp HK2(2021-2022)	Số tiền chưa nộp HK1(2022-2023)	Tổng cộng
1	B21106001	Vũ Mạnh	Cường	3.700.000		6.500.000	15.900.000
2	B21106003	Nguyễn Văn	Đạo	0	0	6.500.000	6.500.000
3	B21106007	Hồ Quốc	Hiếu	0	0	6.500.000	6.500.000
4	B21106008	Nguyễn Minh	Huy	0	0	6.500.000	6.500.000
5	B21106011	Lưu Thị Hoàng	Mẫn	0	0	6.500.000	6.500.000
6	B21106012	Nguyễn Tấn	Mẫn	0	0	6.500.000	6.500.000
7	B21106013	Đào Thị Diễm	Mi	0	0	6.500.000	6.500.000
8	B21106015	Lưu Nữ Huyền	Ngọc	3.700.000	5.700.000	6.500.000	15.900.000
9	B21106016	Nguyễn Hoàng	Nguyễn	0	0	6.500.000	6.500.000
10	B21106017	Nguyễn Quỳnh	Như	0	0	6.500.000	6.500.000
11	B21106018	Ngô Đăng Anh	Thư	0	0	6.500.000	6.500.000
12	B21106019	Nguyễn Nữ Minh	Thư	0	0	6.500.000	6.500.000
13	B21106020	Huỳnh Văn	Thức	3.700.000	5.700.000	6.500.000	15.900.000
14	B21106021	Trần Ngọc	Tin	0	0	6.500.000	6.500.000
15	B21106022	Đoàn Thị Bích	Trâm	0	0	6.500.000	6.500.000
16	B21106024	Nguyễn Đăng Thành	Trung	0	5.700.000	6.500.000	12.200.000
17	B21106025	Lê Ngọc	Văn	0	0	6.500.000	6.500.000
18	B21106026	Lê Văn	Nhân	0	5.700.000	6.500.000	12.200.000
19	B21106027	Võ Văn	Chương	0	5.700.000	6.500.000	12.200.000
20	B21106028	Trần Văn	Chức	0	0	6.500.000	6.500.000
21	B21106029	Nguyễn Khánh Thực	Trân	0	0	6.500.000	6.500.000
				11.100.000	34.200.000	136.500.000	181.800.000

PHÒNG KẾ HOẠCH - TÀI CHÍNH
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG


Trần Nguyễn Thị Thanh Thảo

Người lập


Bùi Thị Xuân Thái

Nguyễn Thị Thu Hằng

DANH SÁCH SINH VIÊN CHƯA HOÀN TẤT HỌC PHÍ ĐẾN NGÀY 30.11.2022

Lớp: CĐ KT Phục hồi chức năng 3

TT Mã	Họ và	tên	Số tiền chưa nộp HK1(2020-2021)	Số tiền chưa nộp HK2(2020-2021)	Số tiền chưa nộp HK1(2021-2022)	Số tiền chưa nộp HK2(2021-2022)	Số tiền chưa nộp HK1(2022-2023)	Tổng cộng
1	B20109001	Nguyễn Văn	Khang	0	0	0	0	6.500.000
2	B18109003	Nguyễn Kiều Bảo	Trâm	0	0	0	0	6.500.000
3	B20109002	Đặng Tiến	Lộc	0	0	0	0	6.500.000
4	B20109003	Nguyễn Thanh	Ngọc	0	0	0	0	6.500.000
5	B20109004	Võ Trọng	Nguyễn	0	0	0	0	6.500.000
6	B20109005	Nguyễn Thanh	Thiên	0	0	0	0	6.500.000
7	B20109008	Phạm Quốc	Tuấn	0	0	0	0	6.500.000
8	B20109009	Lê Nguyễn Duy	Khoa	0	5.700.000	5.700.000	5.700.000	23.600.000
9	B20109010	Ngô Mai Thanh	Hoàng	0	0	0	0	6.500.000
10	B20109011	Trần Ngọc Như	Bình	0	0	0	0	6.500.000
			0	5.700.000	5.700.000	5.700.000	65.000.000	82.100.000

PHÒNG KẾ HOẠCH - TÀI CHÍNH
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG


Trần Nguyễn Thị Thanh Thảo

Phụ trách kế toán

Người lập



Nguyễn Thị Thu Hằng

DANH SÁCH SINH VIÊN CHƯA HOÀN TẤT HỌC PHÍ ĐẾN NGÀY 30.11.2022

Lớp: CĐ KT Phục hồi chức năng 4

TT	Mã	Họ và	tên	Số tiền chưa nộp HK1(2021-2022)	Số tiền chưa nộp HK2(2021-2022)	Số tiền chưa nộp HK1(2022-2023)	Tổng cộng
1	B21109003	Phạm Văn	Mạnh	0	0	6.500.000	6.500.000
2	B21109007	Lê Phạm	Thắng	0	0	6.500.000	6.500.000
3	B21109008	Nguyễn Ngọc	Trân	0	0	6.500.000	6.500.000
4	B21109010	Trương Đặng Hữu	Trọng	0	0	6.500.000	6.500.000
5	B21109012	Lê Nguyễn Phương	Uyên	0	0	6.500.000	6.500.000
6	B21109013	Phan Thị Phương	Uyên	0	0	6.500.000	6.500.000
				0	0	39.000.000	39.000.000

PHÒNG KẾ HOẠCH - TÀI CHÍNH
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG



Trần Nguyễn Thị Thanh Thảo

Phụ trách kế toán



Bùi Thị Xuân Thái

Người lập



Nguyễn Thị Thu Hằng